

THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỒ BIẾN
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

TÓM TẮT

Số: 48

Ngày 09/12/2019

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

1. Kế hoạch phân bổ ngân sách trung ương năm 2020.
2. Phần đầu đến 2025, 90% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.
3. Cá nhân tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ trồng lúa sang trồng rừng bị phạt tiền lên đến 250 triệu đồng.
4. Chính thức tăng lương tối thiểu vùng từ ngày 01/01/2020.
5. 25 hóa chất, sản phẩm sinh học, vi sinh vật bị cấm sử dụng trong thức ăn chăn nuôi.
6. Được cấp lại bản chính văn bằng, chứng chỉ nếu lỗi sai là do cơ quan có thẩm quyền cấp.
7. 02 trường hợp bị từ chối đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất.
8. Từ 01/01/2020, các cơ quan quản lý, sử dụng công chức không thực hiện việc tuyển dụng công chức ngạch kế toán viên sơ cấp.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Nghị định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Trường hợp không thực hiện đăng ký đất đai theo quy định sẽ bị xử phạt như thế nào?
2. 12 tháng liên tục không sử dụng đất trồng cây hàng năm sẽ bị phạt như thế nào?
3. Trường hợp tẩy xóa, sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ, chứng từ trong việc sử dụng đất bị xử phạt như thế nào?
4. Sử dụng giấy tờ giả trong thực hiện thủ tục hành chính và các công việc khác liên quan đến đất đai mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì sẽ bị xử lý như thế nào?

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. KẾ HOẠCH PHÂN BỐ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2020

Ngày 14/11/2019 Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 87/2019/QH14 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2020, theo đó tổng số thu ngân sách trung ương là 851.768.636 triệu đồng, tổng số thu ngân sách địa phương là 660.531.364 triệu đồng. Tổng số chi ngân sách trung ương là 1.069.568.636 triệu đồng, trong đó dự toán 367.709.919 triệu đồng để bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

Giao cho Chính phủ giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước và mức phân bổ ngân sách trung ương cho từng bộ, cơ quan trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đúng quy định của pháp luật và thông báo bằng văn bản đến từng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Phân bổ chi tiết kinh phí sự nghiệp còn lại của Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và kinh phí sự nghiệp của Chương trình mục tiêu Xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích, bảo đảm yêu cầu thời gian phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán chi ngân sách địa phương, bội chi ngân sách địa phương, tổng mức vay của ngân sách địa phương. đạo các địa phương thực hiện sắp xếp các khoản chi để bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quan trọng và các nhiệm vụ mới tăng thêm trong năm 2020; bố trí kinh phí đầy đủ cho các chính sách đã ban hành; phân đầu tăng thu, tiết kiệm chi và sử dụng nguồn cải cách

tiền lương của ngân sách địa phương còn dư. Các địa phương thực hiện sắp xếp các khoản chi để bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quan trọng và các nhiệm vụ mới tăng thêm trong năm 2020; bố trí kinh phí đầy đủ cho các chính sách đã ban hành; phân đầu tăng thu, tiết kiệm chi và sử dụng nguồn cải cách tiền lương của ngân sách địa phương còn dư thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành.

Trước 30/11/2019, Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2020 theo tổng mức vốn đã được Quốc hội quyết định cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Đồng thời, trước ngày 31/12/2019 các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương phân bổ chi tiết mức vốn kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2020, danh mục, mức vốn bố trí của từng dự án cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 14/11/2019.

2. PHÂN ĐẦU ĐẾN NĂM 2025, 90% ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ ĐƯỢC SỬ DỤNG NƯỚC SINH HOẠT HỢP VỆ SINH

Đây là một trong những mục tiêu đề ra tại Nghị quyết 88/2019/QH14 về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 được Quốc hội ban hành ngày 18/11/2019.

Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền

núi giai đoạn 2021-2030 với các mục tiêu cụ thể đến năm 2025 như sau: phân đầu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 3%; 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa; 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 90% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh; 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế; trên 80% phụ nữ có thai được khám định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; trên 98% học sinh mẫu giáo 5 tuổi đến trường học; 90% người từ 15 tuổi trở lên sử dụng thành thạo tiếng Việt...

Để đạt được mục tiêu nói trên, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cần thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ sau: xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đổi mới, mở rộng chính sách tín dụng của ngân hàng chính sách xã hội theo hướng tăng định mức, mở rộng đối tượng được vay đến các dự án sản xuất,

kinh doanh tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số; huy động mọi nguồn lực đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để phục vụ công tác dự báo, hoạch định, quản lý thực hiện chính sách dân tộc; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, về thực hiện chính sách dân tộc, chống mọi biểu hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Tăng cường xây dựng, củng cố hệ thống chính trị, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kịp thời biểu dương, tôn vinh, động viên người tiêu biểu có uy tín, doanh nhân, nhà khoa học trong cộng đồng các dân tộc thiểu số có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ...

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 18/11/2019.

3. CÁ NHÂN TỰ Ý CHUYÊN ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TỪ TRỒNG LÚA SANG TRỒNG RỪNG BỊ PHẠT TIỀN LÊN ĐẾN 250 TRIỆU ĐỒNG

Ngày 19/11/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 91/2019/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/01/2020 và thay thế Nghị định 102/2014/NĐ-CP.

Cá nhân tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang trồng rừng bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 01 héc ta đến dưới 03 héc ta; từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 03 héc ta trở lên. Chuyển đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 0,5 héc ta đến dưới 01 héc ta; từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với diện tích từ 01 héc ta đến dưới 03 héc ta; từ 30.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 03 héc ta trở lên. Chuyển đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn sẽ bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng với diện tích từ 0,5 héc ta đến dưới 01 héc ta; từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng với diện tích sai phạm từ 01 héc ta đến dưới 03 héc ta; từ 120.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng với diện tích sai phạm từ 03 héc ta trở lên.

Chuyển đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng trồng sang mục đích khác trong nhóm đất nông nghiệp sẽ bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng. Trường hợp chuyển đất rừng đặc dụng là rừng tự nhiên, đất rừng phòng hộ là rừng tự nhiên, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên sang mục đích khác thì hình thức và mức xử phạt được thực hiện bằng 02 lần mức

phạt tương ứng với từng trường hợp chuyển mục đích theo quy định.

Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn thì hình thức và mức xử phạt như sau: phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với diện tích đất lấn, chiếm dưới 0,05 héc ta; từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với diện tích đất lấn, chiếm từ 0,05 héc ta đến dưới 0,1 héc ta; từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với diện tích đất lấn, chiếm từ 0,1 héc ta đến dưới 0,5 héc ta; từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với diện tích đất lấn, chiếm từ 0,5 héc ta đến dưới 01 héc ta; từ 30.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với diện tích đất lấn, chiếm từ 01 héc ta trở lên.

Nghị định bổ sung quy định mới xử phạt với trường hợp tổ chức thực hiện dự án kinh doanh bất động sản không nộp hồ sơ làm thủ tục cấp Sổ đỏ cho người mua, thuê mua nhà, công trình xây dựng, người nhận chuyển quyền sử dụng đất hoặc không cung cấp, cung cấp không đầy đủ giấy tờ cho người mua. Mức phạt tiền với trường hợp trên căn cứ vào thời gian và phạm vi căn hộ công trình xây dựng vi phạm. Cụ thể, vi phạm từ 50 ngày đến 06 tháng mức phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 30 triệu đồng với trường hợp vi phạm dưới 30 căn hộ; tối đa 50 triệu đồng với phạm vi từ 30 đến 100 căn hộ, trên 100 căn hộ với mức phạt tối đa 100 triệu đồng. Vi phạm thời gian từ 6 đến 9 tháng mức phạt cao nhất lên tới 300 triệu đồng với trường hợp từ 100 căn hộ. Đặc biệt vi phạm từ 12 tháng trở lên với phạm vi từ 100 căn

hộ sẽ bị phạt đến 1 tỷ đồng và buộc nộp hồ sơ hoặc cung cấp đầy đủ giấy tờ cho người mua.

Với cá nhân, Nghị định cũng quy định trường hợp Tòa án nhân dân và cơ quan hành chính các cấp yêu cầu cung cấp thông tin, giấy tờ, tài liệu liên quan đến đất đai để thanh tra, kiểm tra, thu thập chứng cứ giải quyết tranh chấp mà quá thời hạn không cung cấp sẽ bị phạt tiền từ 2 triệu đồng đến 3 triệu đồng.

Trường hợp cá nhân sử dụng giấy tờ giả trong thực hiện thủ tục hành chính và các công việc khác liên quan tới đất đai mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 30 triệu đồng.

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là 02 năm. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05/1/2020 thay thế Nghị định 102/2014/NĐ-CP và một phần Nghị định 139/2017/NĐ-CP.

4. CHÍNH THỨC TĂNG LƯƠNG TỐI THIỂU VÙNG TỪ NGÀY 01/01/2020

Chính phủ đã ban hành Nghị định 90/2019/NĐ-CP về việc quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động ngày 15/11/2019. Nghị định này áp dụng đối với người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động; doanh nghiệp thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, trang

trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động theo hợp đồng lao động; cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế và cá nhân người nước ngoài tại Việt Nam có thuê mướn lao động theo hợp đồng lao động

Theo đó, quy định mức lương tối thiểu vùng áp dụng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp như sau: mức 4.420.000 đồng/tháng, áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng I; mức 3.920.000 đồng/tháng, áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng II; mức 3.430.000 đồng/tháng, áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng III... So với năm 2019, mức lương tối thiểu vùng tăng từ 150.000 đồng/tháng - 240.000 đồng/tháng.

Mức lương tối thiểu vùng là mức thấp nhất làm cơ sở để doanh nghiệp và người lao động thỏa thuận và trả lương cho người lao động. Không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm công việc giản đơn nhất. Với người lao động làm công việc đòi hỏi lao động đã qua học nghề, đào tạo nghề, mức lương phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng trên.

Doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn nào thì áp dụng mức lương tối thiểu vùng quy định đối với địa

bàn đó. Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị, chi nhánh hoạt động trên các địa bàn có mức lương tối thiểu vùng khác nhau thì đơn vị, chi nhánh hoạt động ở địa bàn nào, áp dụng mức lương tối thiểu vùng quy định đối với địa bàn đó. Doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế

xuất nằm trên các địa bàn có mức lương tối thiểu vùng khác nhau thì áp dụng theo địa bàn có mức lương tối thiểu vùng cao nhất.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2020 thay thế Nghị định 157/2018/NĐ-CP.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

5. 25 HÓA CHẤT, SẢN PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT BỊ CẤM SỬ DỤNG TRONG THỨC ĂN CHĂN NUÔI

Ngày 28/11/2019, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 21/2019/TT-BNNPTNT hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về thức ăn chăn nuôi; có hiệu lực từ ngày 14/01/2020. Thông tư này hướng dẫn một số nội dung bao gồm: chỉ tiêu chất lượng thức ăn chăn nuôi bắt buộc phải công bố trong tiêu chuẩn công bố áp dụng; ghi nhãn thức ăn chăn nuôi; báo cáo tình hình sản xuất thức ăn chăn nuôi; danh mục hóa chất, sản phẩm sinh học, vi sinh vật cấm sử dụng trong thức ăn chăn nuôi; danh mục nguyên liệu được phép sử dụng làm thức ăn chăn nuôi.

Theo Thông tư, có 25 hóa chất, sản phẩm sinh học, vi sinh vật bị cấm sử dụng trong thức ăn chăn nuôi, gồm có: Carbuterol, Cimaterol, Clenbuterol, Chloramphenicol, Diethylstilbestrol (DES), Dimetridazole,

Fenoterol, Furazolidon và các dẫn xuất nhóm Nitrofurán, Isoxuprin, Methyl-testosterone, Metronidazole, 19 Nor-testosterone, Salbutamol, Terbutaline, Stilbenes, Melamine (Với hàm lượng Melamine trong thức ăn chăn nuôi lớn hơn 2,5 mg/kg), Bacitracin Zn, Carbadox, Olaquinox, Vat Yellow 1, Vat Yellow2, Vat Yellow3, Vat Yellow 4, Auramine, Cysteamine. Trên nhãn thức ăn hỗn hợp cho động vật cảnh phải ghi đầy đủ các thông tin sau: tên của sản phẩm; tên thương mại; định lượng; số tiêu chuẩn công bố; ngày sản xuất; hạn dùng; hướng dẫn bảo quản; bảng thành phần dinh dưỡng; nguyên liệu sản xuất; tên, địa chỉ, số điện thoại của tổ chức, cá nhân đăng ký. Ngoài các nội dung này, tổ chức, cá nhân có thể ghi thêm một số nội dung khác về lô sản xuất, mã số sản phẩm, biểu tượng... nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa.

6. ĐƯỢC CẤP LẠI BẢN CHÍNH VĂN BẢN, CHÚNG CHỈ NẾU LỖI SAI LÀ

DO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP

Văn bằng, chứng chỉ đã cấp nhưng phát hiện lỗi sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp văn, bằng chứng chỉ thì được cấp lại bản chính. Đây là một trong những nội dung mới được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 ban hành về Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

Theo Thông tư, người có yêu cầu cấp lại văn bằng, chứng chỉ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho cơ quan có thẩm quyền cấp lại văn bằng chứng chỉ một bộ hồ sơ (bao gồm: đơn đề nghị cấp lại văn bằng, chứng chỉ; văn bằng, chứng chỉ đề nghị cấp lại; giấy tờ chứng minh cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng, chứng chỉ viết sai). Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp lại văn bằng, chứng chỉ xem xét quyết định việc cấp lại văn bằng, chứng chỉ (nếu ko cấp lại phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do). Trường hợp mẫu văn bằng, chứng chỉ tại thời điểm cấp văn bằng, chứng chỉ đã thay đổi, cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng chứng chỉ sử dụng mẫu hiện hành để cấp

lại. Bên cạnh đó, Thông tư này còn quy định về quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân, gồm có: nội dung, ngôn ngữ ghi trên văn bằng, chứng chỉ, phụ lục văn bằng; in phôi và quản lý văn bằng, chứng chỉ; cấp phát, chỉnh sửa, thu hồi, hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ; cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 15/01/2020.

7. 02 TRƯỜNG HỢP BỊ TỪ CHỐI ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

02 trường hợp bị từ chối đăng ký thẻ chấp quyền sử dụng đất là một trong những quy định được Bộ Tư pháp nêu tại Thông tư số 07/2019/TT-BTP ban hành ngày 25/11/2019 hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thẻ chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; có hiệu lực kể từ ngày 10/01/2020.

Theo Thông tư, 02 trường hợp bị từ chối gồm có: trường hợp thông tin trong hồ sơ đăng ký không phù hợp với thông tin được lưu giữ (tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được kê khai trong hợp đồng thế chấp hoặc trong Phiếu yêu cầu không phù hợp với thông tin trên Giấy chứng nhận; trừ

trường hợp người yêu cầu đăng ký đã khắc phục được thông tin không phù hợp trong Phiếu yêu cầu); trường hợp Chấp hành viên của cơ quan thi hành án hình sự, Thừa phát lại của Văn phòng thừa phát lại có văn bản yêu cầu dừng, tạm dừng việc đăng ký thế chấp. Việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (quyền sử dụng đất; tài sản gắn liền với đất; quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất; tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai;...) được thực hiện đối với các trường hợp thế chấp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự của bên thế chấp, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự của người khác hoặc bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự của cả bên thế chấp và của người khác. Bên cạnh đó, Thông tư còn quy định về chữ ký, con dấu trong Phiếu yêu cầu; đối chiếu thông tin trong trường hợp người yêu cầu đăng ký thế chấp là đối tượng không phải nộp phí đăng ký; thực hiện đăng ký trực tuyến; trách nhiệm của các cơ quan có liên quan đến đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; chế độ báo cáo thống kê về hoạt động đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; đăng ký thế chấp trong trường hợp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của vợ chồng, hộ gia đình, nhóm người sử dụng đất, tài sản của doanh nghiệp tư nhân;...

8. TỪ 01/01/2020, CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÔNG CHỨC KHÔNG THỰC HIỆN VIỆC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC NGẠCH KẾ TOÁN VIÊN SƠ CẤP

Ngày 11/11/2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 77/2019/TT-BTC quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020. Đối tượng áp dụng của Thông tư là công chức làm công tác kế toán tại các cơ quan, tổ chức có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; làm công tác thuế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính; làm công tác hải quan tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính; làm công tác dự trữ quốc gia tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Bộ Tài chính.

Theo Thông tư, các cơ quan quản lý, sử dụng công chức không thực hiện việc tuyển dụng công chức ngạch kế toán viên sơ cấp, không thực hiện chuyển ngạch công chức sang ngạch kế toán viên sơ cấp kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực. Công chức hiện đang giữ ngạch kế toán viên sơ cấp (mã số 06.033), chưa có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên thì tiếp tục hưởng theo hệ số lương hiện hưởng trong thời hạn 06 năm kể

từ ngày Thông tư có hiệu lực. Trong thời hạn 06 năm kể từ ngày Thông tư có hiệu lực, cơ quan sử dụng công chức có trách nhiệm bố trí công chức đi đào tạo để đáp ứng tiêu chuẩn của các ngạch công chức chuyên ngành kế toán theo quy định.

Đối với Kế toán viên chính (mã số 06.030) phải có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Ngoài ra, Kế toán viên chính còn phải: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính; có chứng chỉ bồi dưỡng ngạch Kế toán viên chính. Công chức dự thi nâng ngạch Kế toán viên chính ngoài các điều kiện

trên còn phải đáp ứng thêm các điều kiện về nghiệp vụ như: đã chủ trì xây dựng ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật, đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện trong lĩnh vực tài chính kế toán, đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc được nghiệm thu; Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ, trong hoạt động lãnh đạo, quản lý công tác kế toán. Công chức dự thi ngạch kế toán viên chính phải giữ ngạch kế toán viên và có thời gian giữa ngạch kế toán viên hoặc tương đương từ đủ 9 năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ ngạch kế toán viên tối thiểu 1 năm.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Để thúc đẩy, kịp thời tap khôn khổ pháp lý cho việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, tăng cường trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, sự tham gia của cá nhân, tổ chức trong giám sát thực hiện thủ tục hành chính, Văn phòng Chính phủ đã xây dựng dự thảo Nghị định thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử đăng tải trên Cổng thông tin điện tử và gửi văn bản đến các bộ, ngành, địa phương

để lấy ý kiến hoàn thiện Nghị định, dự kiến trình Chính phủ vào đầu năm 2020.

Dự thảo Nghị định quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính gồm 5 Chương với 25 Điều, cụ thể như sau: những quy định chung; quy trình thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; bảo đảm phương thức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương. Đối tượng áp dụng bao gồm: tổ chức, cá nhân, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trên

môi trường điện tử và các tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Theo dự thảo, việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương các cách thức hợp pháp khác; việc tổ chức thực hiện, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cách thức điện tử được thực hiện hợp pháp, hợp lý, khoa học; bảo đảm sự bình đẳng, khách quan, công

khai, minh bạch, an toàn và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; hạn chế việc nộp, khai lại những thông tin, hồ sơ đã cung cấp và được cơ quan hành chính nhà nước công nhận. Việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử không làm tăng phí, lệ phí ngoài quy định của pháp luật.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Trường hợp không thực hiện đăng ký đất đai theo quy định sẽ bị xử phạt như thế nào?

Trả lời: Theo Khoản 2.3 Điều 17 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP Chính phủ ban hành ngày 19/11/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai có quy định, trường hợp không thực hiện đăng ký biến động đất đai tại nông thôn bị phạt từ 01-03 triệu đồng nếu trong thời gian 24 tháng kể từ ngày quá thời hạn; bị phạt từ 02-05 triệu đồng nếu quá hạn 24 tháng kể từ ngày quá thời hạn. Mức xử phạt ở đô thị bằng 02 lần mức xử phạt đối với từng trường hợp tương ứng theo quy định với khu vực nông thôn. Mức phạt trên đây áp dụng đối với cá nhân, mức phạt đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân (tối đa là 20 triệu đồng).

2. Hỏi: 12 tháng liên tục không sử dụng đất trồng cây hàng năm sẽ bị phạt như thế nào?

Trả lời: Theo Điều 32 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP Chính phủ ban hành ngày 19/11/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai có quy định hành vi không sử dụng đất trồng cây hàng năm trong thời hạn 12 tháng liên tục, đất trồng cây lâu năm trong thời hạn 18 tháng liên tục, đất trồng rừng trong thời hạn 24 tháng liên tục mà không thuộc trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 15 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì bị phạt từ 500-1 triệu đồng đối với diện tích không sử dụng dưới 0.5 héc ta; bị phạt từ 1-3 triệu đồng đối với diện tích không sử dụng từ 0.5-10 héc ta; phạt tiền từ 3-5 triệu đồng đối với diện tích đất không sử dụng từ 3-10 héc ta; nếu diện tích đất không sử

dụng từ 10 héc ta trở lên sẽ bị phạt tiền từ 5-10 triệu đồng. Mức phạt trên đây áp dụng đối với cá nhân, mức phạt đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân (tối đa là 20 triệu đồng). Bên cạnh đó, ngoài hình thức xử phạt còn phải khắc phục hậu quả bằng cách buộc sử dụng đất theo mục đích được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất; trường hợp đã bị xử phạt mà không đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất theo quy định.

3. Hỏi: Trường hợp tẩy xóa, sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ, chứng từ trong việc sử dụng đất bị xử phạt như thế nào?

Trả lời: Theo Khoản 1 Điều 35 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP Chính phủ ban hành ngày 19/11/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai có quy định Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với trường hợp tẩy xóa, sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ, chứng từ trong việc sử dụng đất mà không thuộc các trường hợp khai báo không trung thực việc sử dụng đất hoặc tẩy xóa, sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ, chứng từ trong việc sử dụng đất dẫn đến việc cấp Giấy chứng nhận và việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất bị sai lệch hoặc trường hợp sử dụng giấy tờ giả trong

thực hiện thủ tục hành chính và các công việc khác liên quan đến đất đai mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Hỏi: Sử dụng giấy tờ giả trong thực hiện thủ tục hành chính và các công việc khác liên quan đến đất đai mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì sẽ bị xử lý như thế nào?

Trả lời: Theo Khoản 3 Điều 35 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP Chính phủ ban hành ngày 19/11/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai có quy định phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng giấy tờ giả trong thực hiện thủ tục hành chính và các công việc khác liên quan đến đất đai mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự./.